

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 851/2018/KDTM-ST  
Ngày: 02 - 7 -2018  
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Biện Thị Hoa

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Thị Nhung
2. Ông Nguyễn Tùng

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: ông Tôn Mạnh Hùng – Kiểm sát viên.

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thị Thu Hiền – Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong ngày 22 tháng 6 và ngày 02 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/KDTMST ngày 06 tháng 08 năm 2015 về tranh chấp hợp đồng mua bán.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1767/2018/QĐST-KDTM ngày 24 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty I

Địa chỉ: 01 Mahmoud Elattar St., S, S, Egypt.

Đại diện ủy quyền: Bà Lê Thị Minh T (đại diện theo ủy quyền, giấy ủy quyền được hợp pháp hóa lãnh sự tại Đại sứ quán Việt Nam tại Ai Cập số 09/2015 ngày 27/5/2015)

Địa chỉ: Lầu 7, Tòa nhà HPL, số 60 Nguyễn Văn T, phường Đ, Quận M, TPHCM.

- Bị đơn: Công ty TNHH Hải sản A

Địa chỉ: 76 CMT8, Phường S, Quận B, TPHCM.

Đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị Tuyết Đ (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Hội, xã Kim S, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện ngày 18/03/2015 và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thì nội dung tranh chấp như sau:***

Vào ngày 30 tháng 09 năm 2013, Công ty I và Công ty A đã ký hai hoá đơn số 01/AP-IFC/2013 và số 02/AP-IFC/2013. Theo đó, Công ty I đồng ý mua cá tra phi lê đông lạnh của Công ty A;

Theo Hoá đơn số 01/AP-IFC/2013 (“Hợp đồng số 1”), thì Công ty A đã đồng ý bán 25.000 kg cá tra phi lê đông lạnh cho Công ty Ivới giá 1,9 USD/kg, số hàng này sẽ được vận chuyển trong tháng 10/2013 và Công ty I phải đặt cọc trước 9.500 USD, tương đương 20% trên tổng giá trị hợp đồng số 1 cho Công ty A;

Theo Hoá đơn số 02/AP-IFC/2013 (“Hợp đồng số 2”), thì Công ty A đã đồng ý bán 25.000 kg cá tra phi lê đông lạnh cho Công ty Ivới giá 1,46 USD/kg, số hàng này sẽ được vận chuyển trong tháng 10/2013 và cũng giống như hợp đồng số 1, thì Công ty I phải đặt cọc trước 7.300 USD tương đương 20% trên tổng giá trị hợp đồng số 2 cho Công ty A;

Thực hiện các hợp đồng đã ký kết, vào ngày 21/10/2013, Công ty I đã chuyển vào tài khoản ngân hàng của Công ty A tiền đặt cọc theo hợp đồng số 1 và số 2 là 16.800 USD (“Tiền đặt cọc”). Tuy nhiên, Công ty A đã không giao hàng như đã thoả thuận hoặc trả lại tiền đặt cọc cho Công Ty I. Do đó, Công ty I khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại tiền đặt cọc và khoản bồi thường tương đương với khoản tiền đặt cọc kể từ thời điểm Công ty A không thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo quy định của pháp luật.

Công ty I yêu cầu Toà Án buộc Công ty A phải trả các khoản sau đây cho Công Ty I.

- a. Khoản đặt cọc là 16.800 USD và;
- b. Khoản bồi thường tương đương với khoản đặt cọc là 16.800 USD.

Tại bản ý kiến ngày 23/6/2017, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn trả lại số tiền đặt cọc là 16.800 Đô la Mỹ và không yêu cầu tiền phạt cọc là 16.800 Đô la Mỹ.

- Đại diện bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 2 ngày 17 tháng 01 năm 2013 thì người đại diện theo pháp luật của Công ty A là ông Nguyễn Văn B, hiện nay ông B đang chấp hành án phạt tù tại trại tạm giam Công an tỉnh Hậu Giang. Tại bản ý kiến đề ngày 10/7/2017, ông Nguyễn Văn B trình bày ý kiến đồng ý hoàn trả lại số tiền đặt cọc là 16.800 đô la Mỹ cho Công ty I do Công ty TNHH Hải sản A không tiếp tục thực hiện hợp đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án dân sự; Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; nghe ý kiến của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện và đơn khởi kiện sửa đổi của nguyên đơn thì việc nguyên đơn khởi kiện bị đơn là tranh chấp kinh doanh thương mại về tranh chấp hợp đồng mua bán được quy định tại khoản 1 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004, sửa đổi bổ sung năm 2011. Nguyên đơn là pháp nhân

có địa chỉ trụ sở tại Ai Cập, bị đơn có địa chỉ tại Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 405, khoản 2 Điều 410 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004, sửa đổi bổ sung năm 2011, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về tư cách người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 17/01/2013 thì người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Hải sản A là ông Nguyễn Văn B. Theo xác minh của công an địa phương nơi cư trú thì ông Nguyễn Văn B hiện đang chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hậu Giang. Tại khoản 6 Điều 13 Luật doanh nghiệp 2014 quy định: “Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên, nếu có thành viên là cá nhân làm người đại diện theo pháp luật của công ty bị tạm giam, kết án tù... thì thành viên còn lại đương nhiên làm người đại diện theo pháp luật của công ty cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng thành viên về người đại diện theo pháp luật của công ty”. Bị đơn Công ty TNHH Hải sản A là công ty TNHH có hai thành viên gồm ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị Tuyết Đ. Do đó bà Đ đương nhiên là đại diện theo pháp luật của bị đơn thay cho ông B hiện đang chấp hành hình phạt tù. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Đ nhưng bà Đ vắng mặt không lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án, do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

[3] Về nội dung:

Tại bản tự khai ngày 23/6/2017 và tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn trả lại số tiền cọc là 16.800 Đô la Mỹ và không yêu cầu tiền phạt cọc là 16.800 Đô la Mỹ. Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu rút một phần đơn khởi kiện này của nguyên đơn.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc thanh toán tiền đặt cọc theo Hóa đơn số 01/AP-IFC/2013 và số 02/AP-IFC/2013 được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn ngày 30/9/2013, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Xét các hóa đơn số 01/AP-IFC/2013 và số 02/AP-IFC/2013 có hình thức phù hợp Điều 24 Luật Thương mại năm 2005, nội dung không trái qui định của pháp luật và đối tượng hợp đồng phù hợp ngành nghề kinh doanh đã đăng ký của bên nhận đơn hàng (nguyên đơn) nên phát sinh hiệu lực từ ngày ký.

Căn cứ vào các hóa đơn trên thì số hàng sẽ được giao cho nguyên đơn trong tháng 10/2013. Tuy nhiên, cho đến nay bị đơn vẫn chưa giao hàng. Tại bản ý kiến đề ngày 10/7/2017 của ông Nguyễn Văn B là đại diện theo pháp luật của bị đơn tại thời điểm các bên ký kết hợp đồng thì bị đơn đồng ý hoàn trả lại số tiền đặt cọc là 16.800 đô la Mỹ cho nguyên đơn do bị đơn đã không tiếp tục thực hiện hợp đồng. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 358 Bộ luật Dân sự 2005, hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về yêu cầu hoàn trả tiền cọc 16.800 đô la Mỹ, tương đương 385.056.000 VNĐ (theo tỷ giá usd của Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam ngày 02/7/2018) .

Việc kéo dài thời hạn trả tiền là thiệt thòi quyền lợi chính đáng của nguyên đơn nên bị đơn cần thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Đến hạn thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ thi hành án chậm thi hành án thì sẽ phải chịu thêm tiền lãi theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thi hành án.

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Căn cứ Khoản 3 Điều 128, Khoản 1 Điều 131 Bộ luật Tố tụng dân sự (Đã được sửa đổi bổ sung năm 2011) và Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án năm 2009, bị đơn phải chịu án phí là 19.252.800 đồng.

Nguyên đơn không chịu án phí do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên được nhận lại toàn bộ tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng:

- Điểm a Khoản 1 Điều 29, Điểm b Khoản 1 Điều 33, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 3 Điều 128, Khoản 1 Điều 131, khoản 2 Điều 405, khoản 2 Điều 410 Bộ luật Tố tụng dân sự (Đã sửa đổi, bổ sung năm 2011);
- Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015
- Khoản 2 Điều 358 Bộ luật Dân sự 2005;
- Khoản 6 Điều 13 Luật doanh nghiệp 2014
- Điều 24 Luật Thương mại năm 2005;
- Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;
- Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty I yêu cầu Công ty TNHH Hải sản A thanh toán số tiền phạt cọc là 385.056.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Công ty TNHH Hải sản A có trách nhiệm thanh toán cho Công ty I số tiền cọc là 385.056.000 đồng phát sinh từ các hoá đơn số 01/AP-IFC/2013 và số 02/AP-IFC/2013 ngày 30/9/2013.

3. Việc trả tiền được thực hiện đủ ngay khi án phát sinh hiệu lực pháp luật.

Đến hạn thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ thi hành án chậm thi hành án thì sẽ phải chịu thêm tiền lãi theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thi hành án tương ứng với khoản tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH Hải sản A phải chịu án phí là 19.252.800 đồng.

Công ty I được nhận lại toàn bộ tạm ứng án phí đã nộp là 16.340.480 đồng (mười sáu triệu ba trăm bốn mươi nghìn bốn trăm tám mươi đồng) theo biên lai thu số 09026 ngày 04/8/2015 của Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

- Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án;
- Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.
- Thời hạn kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là 15 ngày, của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là 01 tháng, kể từ ngày Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận được bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục thi hành án dân sự TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Biện Thị Hoa**